

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ CÁCH ĐẶT TÊN CÁC NGÔI CHÙA Ở HÀ NỘI PHÙNG THỊ THANH LÂM*

TÓM TẮT: Trong đời sống xã hội của một số tộc người trên đất nước ta, ngôi chùa là một địa chỉ sinh hoạt tín ngưỡng quen thuộc của các Phật tử và là một địa điểm tham quan chiêm bái của cả những người không theo đạo Phật. Hầu như mỗi ngôi làng của người Việt đều có một ngôi chùa và ngôi chùa gắn bó mật thiết với các thiết chế xã hội trong làng. Trong bài viết này, kết quả phân tích các tên chùa ở Hà Nội từ góc độ danh học cho thấy tên gọi theo cách dân gian của các ngôi chùa được sử dụng phổ biến hơn tên chữ và các cách đặt tên/ gọi tên chùa phản ánh phần nào quá trình đạo Phật thâm nhập và hoà hợp với đời sống xã hội của người Việt Nam nói chung.

TỪ KHOẢ: tên chùa; cách đặt tên; tên chữ; tên thường gọi; Hà Nội.

NHẬN BÀI: 09/04/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 18/07/2025

1. Mở đầu

Phật giáo du nhập vào nước ta từ rất sớm. Tuy chưa có sự thống nhất hoàn toàn về thời điểm Phật giáo du nhập vào nước ta nhưng thiền sư Thích Nhất Hạnh (Nguyễn Lang) cho rằng Phật giáo truyền vào nước ta từ khoảng “đầu kỉ nguyên tây lịch” (Nguyễn Lang, 1994, tr.21) trong khi thượng toạ Mật Thể cho rằng Phật giáo du nhập vào nước ta từ cuối thế kỉ thứ 2 sau công nguyên (Mật Thể, 1960, tr.69). Dựa trên việc phân tích nhiều văn bản cổ đại, Lê Mạnh Thát đã đưa ra giả thuyết cho rằng Phật giáo hiện diện tại nước ta “vào những thế kỉ trước Dương lịch” (Lê Mạnh Thát, 2003, tr.42). Ngay từ đời Hán, Luy Lâu (vùng đất Bắc Ninh ngày nay) đã trở thành một trong ba trung tâm Phật giáo lớn (Luy Lâu, Lạc Dương, Bành Thành) và “đã làm bàn đạp cho sự thành lập các trung tâm Bành Thành và Lạc Dương ở Trung Hoa” (Nguyễn Lang, 1994, tr.23).

Dù Phật giáo là một tôn giáo ngoại lai nhưng đã sớm bám rễ vào đời sống xã hội của nước ta thời cổ đại bởi những tư tưởng cốt yếu của Phật giáo rất gần gũi với lòng tin và cách đối nhân xử thế của người dân trong nước. Nguyễn Lang cho rằng “*Đạo Phật thâm nhập vào đời sống tín ngưỡng dân gian ở Giao Chỉ một cách tự nhiên như nước thấm lòng đất, không gặp phản ứng và trở ngại, bởi lẽ những tín ngưỡng dân gian không chống đối lại những tín ngưỡng cơ bản của đạo Phật*” (Nguyễn Lang, 1994, tr.78). Các đạo lí, triết lí sống của nhân dân đã được đúc kết trong nhiều thành ngữ, tục ngữ, rất gần gũi với thuyết nhân quả trong đạo Phật khiến cho ngay từ thuở ban đầu Phật giáo dễ dàng được người dân chấp nhận, ví dụ: *Ở hiền gặp lành, Ác giả ác báo, Làm ác phải tội*, v.v. Thêm nữa, từ lúc Phật giáo mới du nhập vào nước ta “*người Giao Chỉ chưa ai trở thành những tín đồ trung kiên của Khổng Lão và trang bị bởi những ý thức hệ vững chãi, nên Phật giáo không gặp nhiều trở ngại như khi đi vào đất Hán*” (Nguyễn Lang, 1994, tr.52).

Hiện nay, trên đất nước ta, chúng ta thấy ngôi chùa hiện diện ở hầu hết các làng quê và địa bàn cư trú của người Việt và một số tộc người khác như chùa của người Kh'mer, chùa của người Hoa. Trải qua hàng nghìn năm tồn tại cùng với quá trình đạo Phật được truyền bá và hoà nhập vào đời sống xã hội nước ta, ngôi chùa không chỉ là một trung tâm thực hành các hoạt động theo tín ngưỡng Phật giáo mà có những thời kì “*đã trở thành những trung tâm giáo dục văn hoá lớn của đất nước*” (Lê Mạnh Thát, 2001, tr.687) và là nơi đã đào tạo ra những danh nhân văn hoá, chính trị kiệt xuất của dân tộc.

Tên của các ngôi chùa là một lĩnh vực nghiên cứu của ngành danh học, một ngành khoa học lấy nhân danh, địa danh và tên của các sự vật, hiện tượng nói chung làm đối tượng nghiên cứu. Theo hai tác giả Dương Thị The và Phạm Thị Thoa, địa danh là “*những chứng tích về ngôn ngữ và có thể cả về văn tự mà các cộng đồng đã đặt, đã dùng và lưu lại trên địa bàn cư trú và phát triển của mình. Thời gian quản tụ càng lâu dài, trình độ sinh hoạt càng cao, cảnh quan địa lí càng đa dạng, thành phần chủng tộc càng đông đảo.... thì địa danh càng dồi dào và phức tạp về số lượng, càng phong*

*TS; Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Email: phungthanhlam@gmail.com

phủ và sâu sắc về nội dung” (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1981, tr.11). Việc các thôn làng sáp nhập hay chia tách, sông, núi, hoặc cảnh quan địa lí của địa phương có sự thay đổi, biến dạng, v.v. đều là những lí do dẫn đến sự thay đổi tên gọi. Một lí do phổ biến khác dẫn đến sự thay đổi tên gọi gắn với những yếu tố mang tính văn hoá và ngôn ngữ, ví dụ như đổi tên do kỵ húy, đổi tên do tên cũ có ý nghĩa không đẹp hoặc làm liên tưởng đến những ý nghĩa không hay.

Ở nước ta, cho đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo từ nhiều góc độ khác nhau như nghiên cứu về kinh sách, giáo luật, lịch sử truyền thừa, v.v. Trong bài viết này, chúng tôi muốn thông qua việc nghiên cứu cách đặt tên (hay gọi tên) các ngôi chùa ở Hà Nội để tìm câu trả lời cho một số câu hỏi nghiên cứu như sau: Thứ nhất, tên chùa là một tiểu loại trong lĩnh vực danh học được dùng để định danh một loại thực thể khá đặc biệt đó là cách đặt tên trụ sở của một tôn giáo. Như vậy, cách định danh của tên chùa có những điểm gì tương đồng và khác biệt so với các tiểu loại khác? Thứ hai, chùa và làng có mối liên hệ hết sức mật thiết vậy cách đặt tên thôn làng có ảnh hưởng như thế nào đến cách đặt tên chùa, và ngược lại, tên chùa đã ảnh hưởng đến cách đặt tên thôn làng về sau như thế nào? Thứ ba, các cách đặt tên/ gọi tên chùa liệu có phản ánh phần nào quá trình đạo Phật thâm nhập và hoà hợp với đời sống xã hội của người Việt Nam nói chung hay không?

Tư liệu được chúng tôi sử dụng làm căn cứ cho việc phân tích được thu thập từ các tài liệu cổ sử, sách địa chí, các tài liệu nghiên cứu, tản văn viết về Hà Nội của các soạn giả, nhà nghiên cứu đi trước. Chúng tôi cũng tham khảo danh mục di tích lịch sử của các quận huyện ở Hà Nội được đăng tải trên website *Di tích lịch sử-văn hoá Hà Nội*¹. Tuy không có những văn bản thể hiện rõ những quy định về cách đặt tên chùa ở nước ta trong quá trình lịch sử nhưng thông qua ghi chép của một số tác giả và phân tích các tên chùa, về đại thể chùa ở Hà Nội nói riêng và ở Việt Nam nói chung, mỗi ngôi chùa thường có nhiều cách gọi tên khác nhau nhưng phổ biến hơn cả là một tên thường gọi hay tên gọi theo cách dân gian và một tên được viết bằng Hán tự hay còn gọi là tên chữ. Trong khi tên chữ thường được chính thức gắn ở cổng tam quan² thì tên thường gọi xuất hiện trong các bối cảnh sinh hoạt hàng ngày. Mỗi cái tên không phải là một đơn vị nhất thành bất biến mà có sự thay đổi gắn với sự thay đổi của địa phương nơi ngôi chùa tọa lạc. Mỗi cách gọi tên đều mang các ý nghĩa đặc thù mà chúng tôi sẽ trình bày sau đây.

2. Tên chữ của các ngôi chùa ở Hà Nội

Từ góc độ địa danh học, tên đất hay tên các thực thể địa lí khác thường bao gồm hai thành tố: thành tố chung (generic) và thành tố riêng (specific) (Tent & Blair, 2019, tr.65). Theo cấu trúc của tên riêng tiếng Việt, tên chùa có cấu trúc *Chùa + X* trong đó *Chùa* là thành tố chung, *X* là thành tố riêng (ví dụ: *Chùa Một Cột*, *Chùa Dâu*, *Chùa Quán Sứ*, v.v.). Ngược lại, theo Hán tự, tên chùa có cấu trúc *X + tự*, trong đó *X* là thành tố riêng và *tự* là thành tố chung (ví dụ: *Linh Ứng tự*, *Chiêu Thiên tự*, *Báo Thiên tự*, v.v.).

Hiện nay, chưa có cứ liệu cho biết vào giai đoạn Phật giáo mới du nhập vào nước ta, nhân dân đương thời gọi tên các ngôi chùa bằng tên do các nhà sư hay những người xây dựng chùa đặt hay bằng những tên dân gian do nhân dân tự đặt. Từ sách *Thiền uyển tập anh* (Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thuý Nga (dịch), 1990), cuốn sách được coi là biên soạn trong khoảng thời gian từ cuối đời Lý đến đầu đời Trần viết về cuộc đời và hành trạng của các vị tổ sư và truyền thừa các tông phái Phật giáo ở nước ta từ Bắc thuộc đến đầu đời Trần, chúng tôi thống kê được 65 tên chùa được người viết sách nhắc đến. Có thể kể đến một số chùa như chùa Kiến Sơ (hương Phù Đồng, nay thuộc xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm), chùa Định Thiên (hương Siêu Loại, nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh), chùa Thiên Phúc (núi Phật Tích, tức chùa Thầy, huyện Thạch Thất), chùa Cát Tường (kinh đô Thăng Long), v.v.

Từ phần viết về kỉ nhà Lý trong sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 1998, tr.240-340), chúng tôi thống kê được 52 ngôi chùa được xây dựng, sửa chữa hoặc có sự linh dị xuất hiện trong thời nhà Lý. Có một số chùa đã được nhắc đến trong sách *Thiền uyển tập anh* như chùa Chân Giáo, chùa Khai Quốc, chùa Quán Đính. Trong 52 tên chùa, có 13 tên chùa có chữ Thiên (Chùa Ứng Thiên Tâm, chùa Hưng Thiên, chùa Tứ Đại Thiên Vương, chùa Thiên Quang, Chùa

Thiên Đức, chùa Sùng Khánh Báo Thiên, Chùa Thiên Thọ, chùa Thiên Long, Thiên Sùng, Thiên Ninh, v.v.), 8 tên chùa có chữ Thánh (Thánh Thọ, Thánh Chúa, Trường Thánh, Hộ Thánh, Quảng Nghiêm Tư Thánh, v.v.). Hầu hết các chùa được đề cập đến trong hai sách nói trên đều ở quanh khu vực Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang ngày nay.

Dựa trên tư liệu văn bia, Đinh Khắc Thuân cho rằng, vào thời nhà Lý “việc dựng chùa [...] nhất là các chùa lớn đều do chủ xưởng của nhà nước, có khi do nhà vua, triều đình tiến hành, có khi do các quan chức cấp cao thực hiện. [...] Việc dựng chùa dưới thời Lý, được xem như biểu hiện của sự tôn sùng Phật giáo, báo đáp ơn vua, cầu chúc cho đức vua trường thọ, vận nước dài lâu” (Đinh Khắc Thuân, 2021, tr.74-75). Tuy việc xây chùa chắc hẳn có sự đóng góp về tài lực của nhân dân nhưng vua và thành viên hoàng gia có tiếng nói quyết định đối với việc xây dựng, sửa chữa thông qua sự ủng hộ lớn về của cải hay chủ trương. Tuy không có đủ cứ liệu thống kê tên làng xã và các cấp chính quyền trong thời kì bắc thuộc và thời Lý-Trần nhưng qua một số địa danh làng xã xuất hiện rải rác trong các tài liệu có thể thấy tên chùa hầu như không trùng với tên làng. Vào thời kì này, nhiều ngôi chùa tọa lạc trên các ngọn núi, ví dụ, chùa Thiên Phúc (trên núi Phật Tích tức núi Sỏi Sơn, Thạch Thất), chùa Chúng Thiện, chùa Quang Minh, chùa Long Khám (đều trên núi Tiên Du), v.v. Có thể nói, những tên chữ của chùa ở giai đoạn này chưa thể hiện sự gắn kết giữa ngôi chùa với cộng đồng cư dân, với làng xã mà có phần gần bó mật thiết với những tầng lớp trên vốn là những trí thức có những hiểu biết sâu sắc về tư tưởng Phật giáo và các loại văn tự chuyên tải kinh Phật như chữ Phạn, chữ Hán, nói cách khác, lúc này ngôi chùa chưa gắn bó sâu sắc với đời sống làng xã. Tuy không rõ thời điểm chính xác các ngôi chùa trở nên gần gũi và hoà hợp với đời sống làng xã nhưng Đinh Khắc Thuân đã nhận định, đến thời Mạc, “ngôi chùa thời Lý-Trần mà phần lớn thuộc sở hữu tư nhân của tầng lớp quý tộc đã hoàn toàn chuyển sang sở hữu công cộng của cộng đồng làng xã từ thời Mạc thế kỉ XVI khi hàng loạt ngôi chùa Lý-Trần bị lãng quên trong thời Lê sơ thế kỉ XV thì nhất nhất được tái tạo lại bởi cộng đồng làng xã dưới thời Mạc” (Đinh Khắc Thuân, 2021, tr.75).

Do cách ghi trong các sách cổ như *Thiên uyển tập anh* hay sách *Đại Việt sử ký toàn thư* thường rất ngắn gọn nên chúng ta không thể biết chính xác tên chùa là do vua, nhà sư hay ai khác đặt. Chẳng hạn, đoạn ghi chép về sự ra đời của tên chùa Diên Hựu như sau:

“Có nhà sư Thiên Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất, làm tòa sen của Phật Quan Âm đặt trên cột đá như đã thấy trong mộng. Cho các nhà sư đi vòng lượn chung quanh tụng kinh cầu vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu” (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 1998, tr.268).

Trong danh mục 171 chùa tiêu biểu của các quận huyện thuộc thành phố Hà Nội được tác giả website *Di tích lịch sử-văn hoá Hà Nội*³ liệt kê, một số ngôi chùa có tên chữ đặt theo tên kinh Phật ví dụ như có bốn chùa mang tên chữ là Đại Bi (bao gồm chùa Kim Liên, phường Quảng An, Tây Hồ, chùa thôn Ninh Giang, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, chùa Bối Khê ở Tam Hưng, Thanh Oai và chùa Sét ở phường Tân Mai, quận Hoàng Mai). Tên chữ của các ngôi chùa ở Hà Nội còn có nội dung biểu thị sự mộ Phật, hoàng dương Phật pháp, hộ phúc cho nhân dân qua việc đặt tên chùa có các chữ Sùng, Phổ, Giác, Quảng, Phúc, v.v. (*Sùng Phúc tự*, *Phổ Giác tự*, *Thiên Phúc tự*, *Thiên Định tự*, *Thiên Hương tự*, *Phúc Khánh tự*, *Hưng Phúc tự*, *Diên Phúc tự*, v.v.). Tên chùa cũng truyền tải những giá trị hoặc mong muốn tốt đẹp như biểu thị sự nhân đức (*Hồng Đức tự*, *Thánh Đức tự*, *Đức Mục tự*), vững bền (*Vạn Tuế tự*/ *Vạn Niên tự*), an lạc (*Diên Khánh tự*, *Khánh Long tự*, *Khánh Hưng tự*, *Hưng Khánh tự*, v.v.), hoặc phản ánh tư tưởng, triết lí Phật giáo như chùa Bất Nhiễm (tức chùa Thọ Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì). Trong 171 tên chùa, chữ *Phúc* xuất hiện nhiều nhất (34 lần), sau đó là chữ *Quang* (23 lần), chữ *Sùng* (15 lần), chữ *Khánh* (11 lần). Tên *Sùng Phúc tự* được đặt cho 7 ngôi chùa, *Linh Quang tự* đặt cho 5 ngôi chùa, *Thiên Phúc tự* đặt cho 6 ngôi chùa, *Diên Phúc tự* đặt cho 4 ngôi chùa.

Một số tên chùa còn gọi đến những cảnh đẹp chốn bồng lai hoặc bắt nguồn từ một giấc mơ thoát tục như *Tiên Cảnh tự* (tức chùa Dục Tú, Đông Anh), *Hương Vân tự*/ *Vân Mộng tự* (chùa Triều Khúc, huyện Thanh Trì). Đôi khi, tên chùa được đặt sau một sự kiện đặc biệt có liên quan đến chùa, chẳng hạn, vua Lê Thánh Tông đặt tên chùa Huy Văn là *Chùa Dục Khánh* là để “ghi nhớ nơi phúc lành

“sinh thánh” nên dùng chữ Dục Khánh để đặt tên chùa để lưu truyền mãi mãi” (Ủy ban Khoa học Xã hội, 1978, tr.10).

Ngày nay, chữ Hán không phải là văn tự chính thức của nước ta và số người biết chữ Hán cũng khá hạn chế nên không phải ai cũng có thể đọc hiểu được tên chùa bằng chữ Hán. Tuy vậy, các ngôi chùa vẫn là địa chỉ tâm linh quen thuộc với cư dân sinh sống quanh chùa hoặc khách vắng lại bởi sự quen thuộc của những tên chùa gọi theo cách dân gian như chúng tôi sẽ đề cập tới trong phần tiếp theo.

3. Tên chùa ở Hà Nội theo cách gọi dân gian

Như trên chúng tôi đã đề cập, tên thường gọi của các ngôi chùa rất phong phú dựa trên các đặc điểm như gọi theo tên làng hoặc tên đất, gọi theo đặc trưng nổi bật của chùa hoặc địa phương như tên thực thể địa lý của địa phương như núi, sông, hồ, cảnh quan tự nhiên, gọi theo những sự kiện hoặc nhân vật lịch sử/ thần tiên có liên quan đến chùa, v.v. Tên chùa gọi theo cách dân gian thường có cấu trúc *Chùa + X* (ví dụ, chùa Bà Đanh, chùa Ngòi, chùa Quán Sứ, v.v.). Trong cấu trúc này, X là thành tố tên riêng của chùa. Một số tên dân gian của chùa cho thấy sự hoà hợp tôn giáo giữa Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng cổ truyền của dân tộc bởi trong cấu trúc tên chùa đôi khi còn lại dấu vết minh chứng cho việc nơi này đã từng là am hay quán vốn là trụ sở tu tập của các đạo sĩ. Ví dụ, chùa Thanh Ninh ở phường Điện Biên, quận Ba Đình có tên dân gian là *chùa Am cây Đẻ* hay *chùa Cỏ*, chùa Thái Linh ở phường Giang Biên, Quận Long Biên còn có tên là *Thái Linh quán* hay *Chùa Quán Linh Tiên*, v.v. Đặc biệt, có những tên chùa có cách đặt tên khá đặc biệt như trường hợp *Am Vàng tự* (tức chùa Kim Âu/ Kim Âu tự ở thôn Kim Âu, Đặng Xá, huyện Gia Lâm). Trong cấu trúc tên *Am Vàng tự*, các từ *Am* và *tự* đều có nghĩa là chùa nên tên có sự trùng lặp và pha trộn giữa các yếu tố Hán-Nôm. Trong sách *Các trấn tổng xã danh bị lãm* đã xuất hiện tên thôn Kim Âu, tổng Kim Sơn, huyện Gia Lâm (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1981, tr.344). Như vậy, chúng ta có thể thấy xảy ra quá trình Hán Việt hoá địa danh từ Am Vàng đổi thành Kim Âu.

Ở khu vực Hà Nội ngày nay, một số ngôi chùa có tên gọi theo theo tên đất hoặc tên thực thể địa lý nổi bật trong khu vực. Chẳng hạn, tên chùa Trầm (có tên chữ là Long Tiên tự) và chùa Vô Vi (Phúc Trù tự) ở huyện Chương Mỹ đều được đặt theo tên hai núi nổi tiếng ở địa phương là núi Tử Trầm và núi Vô Vi. Theo cách đặt tên này, còn có thể kể đến tên chùa Thầy (còn gọi là chùa Cả, có tên chữ là Thiên Phúc tự) được đặt tên theo tên núi Thầy (tức Sài Sơn), chùa Ngòi (Phúc Khê tự) được đặt tên theo tên làng Ngòi bởi làng nằm cạnh một ngôi nước nhỏ.

Khi viết về cách đặt tên chùa Tiên Sơn, Lê Mạnh Thát cho rằng “các ngôi chùa Phật giáo tại Trung Quốc cũng như tại nước ta vào những thế kỷ đầu trước công nguyên đều thường lấy tên đất làm tên chùa [...] dùng địa danh để đặt tên chùa là một tập quán phổ biến của Phật giáo Viễn Đông vào thời mới du nhập” (Lê Mạnh Thát, 2003, tr.804). Trong số 171 ngôi chùa ở Hà Nội được tác giả website *Di tích lịch sử-văn hoá Hà Nội*⁴ đề cập đến, chúng tôi nhận thấy đại đa số các chùa có tên thường gọi (hay tên dân gian) trùng với tên của ngôi làng mà chùa tọa lạc. Có thể kể đến một số ngôi chùa như chùa La Khê (Diên Khánh tự) ở La Khê, Hà Đông, chùa Hà Trì (Đức Mục tự) ở Hà Cầu, Hà Đông, chùa Lưu Phái (Linh Sơn tự) ở thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, v.v. Điều này cho thấy khuynh hướng người dân lấy tên đất hay tên thôn làng để gọi tên chùa là một khuynh hướng đặt tên mang tính nổi trội và cũng là một căn cứ để suy luận các ngôi làng tồn tại trước khi các ngôi chùa được xây dựng trên đất làng và sau khi chùa được xây dựng đã lấy tên làng làm tên chùa. Nói một cách khác, khi người dân gọi tên chùa theo tên làng có nghĩa chùa đã trở thành một địa chỉ mang tính sở hữu, một thuộc tính của làng.

Một ghi chép sinh động khác về việc người dân không chấp nhận đặt tên thôn làng theo tên chùa do kẻ thù xây được tác giả sách *Tây Hồ chí* ghi lại khi viết về chùa Khai Nguyên ở Hồ Tây như sau:

“Quán ở trên một gò lớn nhất trong bảy gò Thất Diệu, bên con sông nhỏ thuộc động Già La. Quán thờ Huyền Nguyên đại đế tức Thái Thượng Lão Quân. Khoảng giữa niên hiệu Đường Khai Nguyên (712-730), thứ sử Quảng Châu là Lư Hoán sang làm đô hộ Giao Châu. Khi mới đến, ông ta đóng ở đây, đổi tên động thành thôn An Viên. Thấy đất đai bằng phẳng, cây cối lúa thừa, dòng nước

Già La uốn lượn, phong cảnh ưa nhìn nên sai dựng quán. Khi xong, treo biển đề là Khai Nguyên quán, ý muốn khoe công đức nhà Đường. Lại đổi tên thôn theo tên quán là thôn Khai Nguyên. Thông thường, người ta vẫn gọi tên cũ là Già La. [...] Triều Lê lại đổi thôn Khai Nguyên ra thành thôn Già La, Hậu Lê lại gọi là ấp Quán La” [Tây Hồ chí, dẫn theo (Nguyễn Vinh Phúc, 2009, tr.253-254)].

Từ đoạn ghi chép này cho thấy, ban đầu Lư Hoán đặt tên quán mới xây dựng là Khai Nguyên vốn là niên hiệu của nhà Đường nhằm tôn vinh triều đại này. Sau đó, Lư Hoán lại đổi tên thôn theo tên quán nhưng người dân không chấp nhận tên thôn mới mà vẫn gọi theo tên cũ. Cho đến nay, chùa Khai Nguyên vẫn được người dân gọi theo tên làng là chùa Quán La hay chùa Xuân La. Điều này có thể là căn cứ cho thấy tên chùa gắn bó chặt chẽ với tên làng và được người dân sử dụng phổ biến hơn tên chữ.

Ở chiều ngược lại, tên một số danh lam cổ tự cũng trở thành tên của các thôn làng, đặc biệt là đối với những ngôi chùa nổi tiếng hoặc có kiến trúc đặc sắc. Tại Hà Nội có nhiều tên thôn phường cổ được đặt theo tên chùa. Ví dụ, chùa Sùng Khánh Báo Thiên là một trong những công trình xây dựng nổi bật ở kinh thành được xây dựng từ thế kỉ thứ 11. Chùa đã trở thành một điểm mốc nổi bật để xác định phương hướng trong không gian và tên chùa dần trở thành một thành tố trong tên của các thôn, phường ở kinh thành. Thông kê từ sách *Các trấn tổng xã danh bị lãm* cho thấy, vào đầu thế kỉ 19, có một số tên thôn, phường ở Hà Nội có thành tố liên quan đến chùa Báo Thiên trong đó có 2 thôn thuộc tổng Tiền Túc, huyện Thọ Xương (*Thôn Báo Thiên tự, Thôn Chùa Tháp phường Báo Thiên*); 03 thôn, phường thuộc tổng Tiền Nghiêm (*thôn Thương Môn thuộc phường Báo Thiên, Thôn Thương Môn hạ thuộc phường Báo Thiên, thôn Thương Đông Hạ thuộc phường Báo Thiên*) (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1981, tr.95-97). Ngoài ra, còn có nhiều chùa khác cũng trở thành điểm mốc để đặt tên thôn làng như *phường Báo Ân* (đặt theo tên chùa Báo Ân), *thôn Huy Văn* (đặt theo tên chùa Huy Văn), *thôn chùa Một Cột* (*Nhất Trụ tự* thôn tức chùa Diên Hựu hay chùa Một Cột), *thôn Trấn Vũ* đặt theo tên quán Huyền Thiên Trấn Vũ (Nguyễn Thị Việt Thanh (chủ biên), 2019, tr.82) hay như tên thôn Chùa Trúc Bạch (*Trúc Bạch tự thôn*), thôn chùa Long Châu (*Long Châu tự thôn*), thôn chùa Tăng Phúc (*Tăng Phúc tự thôn*), thôn Quan Thánh, thôn Trụ Trì Trấn Vũ (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 1981, tr.96-98).

Bên cạnh các tên chùa được đặt theo tên đất, tên thôn làng hoặc tên thực thể địa lí như đã nói ở trên, một số tên chùa ở Hà Nội phản ánh những đặc trưng nổi bật của chùa hoặc địa phương. Tên chùa Một Cột là một minh chứng sinh động cho cách đặt tên chùa dựa theo kiến trúc của chùa. Mặc dù chùa Một Cột có tên chữ là Diên Hựu tự nhưng người dân thường gọi là *Chùa Một Cột* là bởi chùa được xây dựng trên một cái cột. Ở cách gọi tên này chúng ta có thể thấy từ đặc điểm kiến trúc độc đáo của ngôi chùa, người dân đã gọi tên chùa đúng như những gì họ nhìn thấy. Trong một số tài liệu, tên gọi dân gian *Chùa Một Cột* đã được phiên dịch sang chữ Hán là *Nhất Trụ tự*. Tuy vậy, cho đến nay, tên *chùa Một Cột* vẫn là cách gọi phổ biến hơn cả so với hai tên còn lại trong cả văn bản của nhà nước và trong giao tiếp hàng ngày của người dân. Tương tự như vậy, người dân quen gọi chùa Quảng Nghiêm ở huyện Chương Mỹ là chùa Trăm Gian bởi chùa rất to rộng, bề thế. Cách nói *trăm gian* là cách nói mang tính ước lệ, tuy chùa không dài rộng đến một trăm gian nhưng cách nói này nhằm nhấn mạnh sự rộng rãi của ngôi chùa này.

Khi đạo Phật mới truyền vào Trung Quốc, một số người dân đã cúng dường ngôi nhà của mình thành chùa và tên chủ nhân của ngôi nhà trở thành tên chùa. Khi khảo cứu về lịch sử Phật giáo, tác giả Nguyễn Lang đã viết về lịch sử tên gọi ngôi chùa Hứa Xương ở Trung Quốc như sau:

“Trở lại chùa Hứa Xương. Sở Vương Anh mất năm 71. Nhiều người thân thuộc của Vương, vốn là theo đạo Phật, đã rời Bành Thành về Lạc Dương cư ngụ nơi cơ sở của người em họ bên mẹ của Vương tên là Hứa Xương. Ngôi nhà mà Hứa Xương dành ra để cho người thân thuộc của Sở Vương ở sau này đã trở thành Hứa Xương Tự. [...] Rất có thể chính những người thân thuộc của Sở Vương Anh đã mang đạo Phật đến Lạc Dương năm 71, đã biến một ngôi nhà của Hứa Xương thành một ngôi chùa gọi là Hứa Xương Tự và đã ảnh hưởng sâu xa tới tín ngưỡng của Hán Hoàn Đế” (Nguyễn Lang, 1994, tr.32-33).

Việc người dân cúng đất hay gia trạch để dựng chùa và chùa được gọi theo tên người hiến đất đã được một số sách ghi chép. Trong văn bia ghi lại việc trùng tu chùa Vô Vi (nay ở xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ) vào năm 1515 có ghi “Văn bia trùng tu chùa Vô Vi núi Trác Sơn [...] Chùa Trác Sơn là một cổ tích vậy. Xưa kia, Vô Vi đại sĩ làm ăn phát đạt đã cúng của cải, phát từ tâm lên núi Trác Sơn dựng chùa thờ Phật, rồi xuất gia tín phụng, sống trọn tuổi già ở đây” (Phạm Thị Thuỷ Vinh (chủ biên), 2014, tr.592). Đoạn văn bia nói trên cho thấy vì đại sĩ Vô Vi tu ở trên núi Trác Sơn nên dẫn đến việc núi và chùa do ông dựng trên núi này đều được gọi theo tên ông. Tuy nhiên, việc gọi tên chùa theo tên người một cách trực tiếp như vậy không phổ biến. Sách *Thiền uyển tập anh* trong tiểu truyện viết về thiền sư Cầm Thành (?-860) cho biết có một phú gia họ Nguyễn đã “cúng gia trạch làm chùa, mời sư đến trụ trì” nhưng chùa không mang tên phú gia họ Nguyễn mà “chùa ấy chính là chùa Kiến Sơ ở hương Phù Đồng” (Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thuý Nga (dịch), 1990, tr.32).

Khảo sát tên các ngôi chùa ở Hà Nội, chúng tôi ít thấy có tên chùa gọi theo tên người một cách trực tiếp như cách gọi tên chùa Hứa Xương hay Vô Vi trên đây. Có một số tên chùa có đề cập đến nhân vật nào đó (ví dụ như chùa Bà Nành, chùa Bà Ngô, chùa Hai Bà, chùa Bà Bông, chùa bà Tấm, chùa Thầy, v.v.). Một số tên chùa gọi theo thần linh được thờ tại chùa (ví dụ, gọi là chùa Pháp Vân bởi chùa thờ thần Mây, gọi là chùa Pháp Vũ bởi nơi đây thờ thần Mưa, gọi là chùa Bà Tấm bởi nơi đây thờ Nguyên phi Ý Lan là người được dân gian gọi là bà Tấm). Tên chùa cũng có thể được gọi theo người cúng dường xây dựng chùa, chẳng hạn, chùa Ngọc Hồ được dân gian gọi là chùa Bà Ngô vì người dân nhớ tới bà Ngô (người phụ nữ lấy chồng là người Hoa-Ngô khách) đã cúng tiền xây dựng chùa (Nguyễn Thuý Nga-Nguyễn Văn Nguyên (chủ biên), 2007, tr.212). Tuy nhiên, những tên gọi này không chỉ rõ tên họ cụ thể của nhân vật có liên quan đến ngôi chùa mà những thông tin về họ rất chung chung như thông tin liên quan đến nghề nghiệp của họ (Bà Nành là người phụ nữ buôn bán các loại đậu đỗ), đề cập đến quê hương của họ (Bà Bông nhằm chỉ bà vải quê ở làng Bông Cờ), hoặc đơn giản là gọi tên chùa theo cách dân gian tôn kính gọi một người nào đó như trường hợp tên chùa Thầy, v.v.

Có thể nói, đại đa số tên các ngôi chùa ở Hà Nội theo cách gọi dân gian gắn bó mật thiết với tên đất, tên thôn, làng, và với những đặc điểm của địa phương mà ngôi chùa tọa lạc. Chẳng hạn, nếu nói *Sùng Phúc tự* hoặc *chùa Sùng Phúc* có lẽ hầu hết mọi người sẽ không thể xác định được đó là ngôi chùa nào thuộc địa phương nào bởi có nhiều ngôi chùa mang tên Sùng Phúc. Tuy nhiên, nếu nói *Chùa Bộc*, tên gọi theo cách dân gian của chùa Sùng Phúc thì có lẽ hầu hết những người sống ở Hà Nội một thời gian đều có thể biết đó là ngôi chùa nào và thuộc địa phương nào ở Hà Nội. Tương tự như vậy, tên *chùa Láng* rất quen thuộc với mọi người sinh sống ở Hà Nội bởi nó gắn bó với làng nghề trồng rau nổi tiếng đã có nhiều sản vật được đưa vào trong tục ngữ ca dao trong khi tên *Chiêu Thiền tự* lại rất ít người biết tới.

Đối với sinh hoạt làng xã truyền thống, ngôi chùa đã trở thành một yếu tố văn hoá của làng, trở thành một địa chỉ vừa thể hiện giá trị tôn giáo vừa thể hiện giá trị cộng đồng làng xã. Trong khi tên chữ của các ngôi chùa thường có sự trùng lặp bởi các tên chùa thường giới hạn trong một số chữ Hán nhất định biểu thị những tư tưởng quan trọng của đạo Phật hoặc các giá trị tốt đẹp thì các tên dân gian của chùa lại vô cùng phong phú bởi mỗi tên làng luôn là một yếu tố độc đáo và ít có sự trùng lặp. Tuy nhiên, tên làng, xã truyền thống cũng trải qua quá trình phát triển và thay đổi nên tên chùa gắn với tên làng cũng thay đổi theo. Một làng có thể vừa có tên nôm và vừa có tên chữ bởi quá trình nhà nước hoá tên thôn làng đã chuyển nhiều tên thôn, làng từ tên Nôm sang tên Hán Việt như trường hợp làng Lũ đổi thành làng Kim Lũ, làng Mía đổi thành làng Cam Giá. Do vậy, chùa của các làng nói trên cũng có tên nôm là chùa làng Lũ/ Chùa làng Kim Lũ bên cạnh tên chữ của chùa là *Thiên Phúc tự*, chùa làng Mía/ chùa Cam Giá (*Sùng Nghiêm tự*).

Hiện nay, quá trình đô thị hoá ở Hà Nội diễn ra mạnh mẽ. Nhiều thôn làng cổ đã trở thành phố xá hay khu đô thị hiện đại. Tuy thôn làng có thể không còn tồn tại nhưng các ký ức về thôn làng vẫn còn tồn tại qua các tên chùa được gọi theo cách dân gian. Trong quá trình đô thị hoá, một số tên chùa đã trở thành tên phố, tên ngõ như *ngõ chùa Liên Phái*, *phố Chùa Một Cột*, *phố Chùa Bộc*, *phố Chùa*

Láng, phố Chùa Hà, phố Chùa Quỳnh, phố Chùa Thông, v.v. (Phùng Thị Thanh Lâm, 2020, tr.156-163). Chúng ta có thể thấy, hầu hết các tên chùa được đặt cho tên phố đều là những tên chùa theo cách gọi dân gian bởi những cái tên này đã gắn bó chặt chẽ với đời sống cư dân thôn làng trong quá khứ và nay lại tiếp tục vai trò giữ gìn quá khứ trong đời sống xã hội hiện đại. Thông qua những tên phố được đặt theo tên chùa, các ngôi chùa làng vẫn tiếp tục hiện diện trong đời sống đô thị và trở thành các địa chỉ văn hoá tâm linh của cư dân đô thị.

4. Kết luận

Như chúng tôi đã trình bày ở trên, tên chùa có khi là do người dân gọi một cách tự phát và cũng có khi do vua, nhà sư hoặc người xây dựng chùa đặt. Do vậy, các ngôi chùa thường có tên chữ (tên chính thức bằng chữ Hán) và tên gọi theo cách dân gian. Trong quá khứ, tên thường gọi thường được sử dụng trong giao tiếp hàng ngày trong khi các tên chính thức bằng Hán tự thường được dùng để định danh chùa và ghi trong các văn bản chính thức của nhà nước. Hiện nay, hiện tượng này có sự thay đổi. Tuy tên chùa bằng chữ Hán vẫn được khắc, viết ở chùa để định danh nhưng tên dân gian đã chiếm vị trí quan trọng trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong các văn bản của chính quyền và các cơ quan hữu quan. Thậm chí, từ chức năng xác định, định vị ngôi chùa trong không gian, tên gọi theo cách dân gian giúp người dân định vị nhanh chóng hơn bởi tên chùa thường gắn với tên làng xã tức là gắn với một địa phương cụ thể.

Việc các ngôi chùa đồng thời có nhiều tên gọi, đặc biệt tên gọi theo cách dân gian thường gắn bó chặt chẽ với tên thôn làng nơi chùa tọa lạc cho thấy sự gắn bó chặt chẽ của ngôi chùa nói riêng và đạo Phật nói chung với cộng đồng làng xã Việt Nam. Nói một cách khác, tên chùa đã phần nào phản ánh bức tranh cảnh quan thiên nhiên của nơi định cư cũng như quá trình định cư của cộng đồng cư dân bên cạnh việc phần nào phản ánh quá trình đạo Phật thâm nhập và hoà hợp với đời sống của cư dân.

Đối với xã hội hiện nay, đặc biệt ở những khu vực đã đô thị hoá, một số tên chùa đã được dùng để đặt tên cho các con phố chạy qua chùa. Điều này khiến các giá trị văn hoá truyền thống tiếp tục được gìn giữ và phổ biến trong đời sống xã hội hiện đại, qua đó có thể thấy tên chùa, tên làng và tên phố chứa đựng ý nghĩa giáo dục về truyền thống của Hà Nội nói riêng và của đất nước nói chung.

***Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tiến hành trong khuôn khổ đề tài QG.21.55 “Đánh giá hiện trạng việc đặt tên đường phố tại đô thị Hà Nội và đề xuất một số phương án đặt tên phố theo định hướng đô thị thông minh” của ĐHQGHN. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Đại học Quốc gia Hà Nội đã tài trợ kinh phí nghiên cứu cho đề tài.

Chú thích:

¹ Link truy cập của website: <https://ditichlichsu-vanhoahanoi.com/>

² Hiện nay, ở cổng của một số ngôi chùa có viết thêm cả tên chùa bằng chữ quốc ngữ tự dạng Latin bên cạnh tên bằng chữ Hán như chùa Quang Hoa (<https://sovhth.hanoi.gov.vn/cum-di-tich-chua-quang-hoa-thien-quang-phap-hoa-diem-du-lich-van-hoa-tam-linh/>), chùa Bà Đá (https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_B%C3%A0_%C4%90%C3%A1)

³ Link truy cập của website: <https://ditichlichsu-vanhoahanoi.com/>

⁴ Link truy cập của website: <https://ditichlichsu-vanhoahanoi.com/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đinh Khắc Thuân (2021), *Văn bia chữ Hán Việt Nam: Từ thời Bắc thuộc đến đời Trần*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Lê Mạnh Thát (2001), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ Lý Nam Đế (544) đến Lý Thái Tông (1054)* (Vol. 2). Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lê Mạnh Thát (2003), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ khởi nguyên đến thời Lý Nam Đế* (Vol. 1). Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Mật Thể (1960), *Việt Nam Phật giáo sử lược*. Nhà sách Minh Đức.
5. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thuý Nga (dịch). (1990), *Thiền uyển tập anh*. Nxb Văn học.
6. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận: Vol. Tập 1*. Nxb Văn học.
7. Nguyễn Thị Việt Thanh (chủ biên). (2019), *Địa danh hành chính Thăng Long-Hà Nội (từ đầu thế kỉ XIX đến nay)*. Nxb Hà Nội.
8. Nguyễn Thuý Nga-Nguyễn Văn Nguyên (chủ biên). (2007), *Địa chí Thăng Long - Hà Nội trong thư tịch Hán Nôm*. Nxb Thế giới.
9. Nguyễn Vinh Phúc (2009), *Mặt gương Tây Hồ*. Nxb Hà Nội.
10. Phạm Thị Thuý Vinh (chủ biên). (2014), *Văn bia Lê sơ: Tuyển tập*. Nxb Khoa học Xã hội.
11. Phùng Thị Thanh Lâm (2020), *Tên phố Hà Nội từ cuối thế kỉ XIX đến nay*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
12. Ủy ban Khoa học Xã hội (1978), *Tuyển tập văn bia Hà Nội* (Vol. 2). Nxb Khoa học Xã hội.
13. Viện Khoa học xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư (Bản in Nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hoà thứ 18 (1697))* (Vol. 1). Nxb Khoa học Xã hội.
14. Viện Nghiên cứu Hán Nôm (1981), *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỉ XIX Thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra (Các tổng trấn xã danh bị lãm)*. Nxb Khoa học Xã hội.

Tiếng Anh

15. Tent, J., & Blair, D. (2019), A Clash of Names: The Terminological Morass of a Toponym Class. *Names A Journal of Onomastics*, 67, 65–77.
<https://doi.org/10.1080/00277738.2018.1452907>.

Pagoda Nomenclature in Hanoi

Abstract: In Vietnamese social life, the pagoda serves as a well-known place for Buddhist worship as well as a site visited by non-Buddhists. Most Vietnamese villages have a pagoda, deeply embedded in their local social structures. This article analyzes the names of pagodas in Hanoi from onomastic perspectives, revealing that common names for these pagodas are more prevalent than their formal (Sino-Vietnamese) names. Furthermore, the naming conventions reflect, to some extent, the process by which Buddhism permeated and integrated into the social life in Vietnam.

Key words: pagoda names; naming methodology; official names; common names; Hanoi.